

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ – ST Ngày: 21-9-2020.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Bích Lan;
2. Bà Lê Thị Ngọc Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1997; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn L, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, thị trấn L, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ liên hệ: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/6/2020, bản trình bày ngày 06/7/2020 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Đặng Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm

2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện TN và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 19/3/2018 theo giấy đăng ký kết hôn số 06.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau và hạnh phúc. Tuy nhiên, một thời gian ngắn sau khi cưới, do tính cách khác nhau, quan điểm sống khác nhau nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng không hiểu và không thông cảm cho nhau, không thống nhất giải quyết các vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nhận thấy, giữa vợ chồng có quá nhiều khác biệt trong suy nghĩ cũng như quan điểm sống, đời sống không hòa hợp nên dẫn đến mâu thuẫn thường xuyên xảy ra.

Nhận thấy đời sống vợ chồng không thể cứu vãn và hòa hợp được nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Đặng Nguyễn P, sinh ngày 28/2/2018. Khi ly anh yêu cầu giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra anh không có yêu cầu khác.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 30/7/2020, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H không trình bày.

Về con chung: Chị thống nhất có 01 con chung tên là Đặng Nguyễn Tiến P, sinh ngày 28/2/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và đồng ý về việc anh Đ cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản chung: Không có không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H không trình bày

Ngoài ra ông không có yêu cầu khác.

Tại biên bản xác minh ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi thể hiện:

Anh Đặng Nguyễn Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện TN vào ngày 19/3/2018, sổ đăng ký kết hôn số 06/2018.

Về mâu thuẫn trong hôn nhân giữ anh Đ và chị H thì chính quyền địa phương không rõ vì từ trước đến nay anh Đ và chị H chưa lần nào yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết mâu thuẫn trong hôn nhân.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Đặng Nguyễn Ngọc Đ ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Về con chung: anh, chị có 01 con chung tên là Đặng Nguyễn Tiến P, sinh ngày 28/2/2018. Khi ly hôn đề nghị HĐXX giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung không có, nợ chung không có nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Đề nghị buộc anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Nguyễn Ngọc Đ và Chị Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện TN và được cấp chứng nhận đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về căn cứ cho ly hôn: Trong quá trình chung sống, sau khi kết hôn, thời gian đầu nguyên đơn, bị đơn chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, một thời gian ngắn sau khi cưới, do tính cách khác nhau, quan điểm sống khác nhau nên vợ, chồng xảy ra mâu thuẫn vì không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau, không

thống nhất giải quyết các vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân. Bản thân vợ, chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Đến nay, đời sống không hòa hợp không còn tình cảm, không cùng nhau thực hiện xây dựng gia đình. Tòa án mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ nhưng không tiến hành hoà giải được vì chị H vắng mặt. Những tình tiết nêu trên đủ chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh Đ, anh Đ được ly hôn với chị H.

[3.2] Về con chung: Con chung Đặng Nguyễn Tiến P, sinh ngày 28/2/2018. Nguyên đơn yêu cầu giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời nguyên đơn yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bị đơn đồng ý nên HĐXX chấp nhận.

Anh Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Trường hợp anh Đ lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con.

Vì lợi ích của con chung, anh Đặng Nguyễn Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị H hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, anh Đặng Nguyễn Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị H có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có, HĐXX không nhận định.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Đặng Nguyễn Ngọc Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Đặng Nguyễn Ngọc Đ có nghĩa vụ chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc Đ, anh Đặng Nguyễn Ngọc Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Giao cháu Đặng Nguyễn Tiến P, sinh ngày 28/2/2018 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Đặng Nguyễn Ngọc Đ cấp dưỡng nuôi con chung 1 tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2020.

Anh Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Trường hợp anh Đ lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con.

Vì lợi ích của con chung, anh Đặng Nguyễn Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị H hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, anh Đặng Nguyễn Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị H có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Anh Đặng Nguyễn Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0005544 ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Đặng Nguyễn Ngọc Đ chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4. Anh Đặng Nguyễn Ngọc Đ, chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND thị trấn L, huyện TN;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hòa